

Tăng tỷ trọng

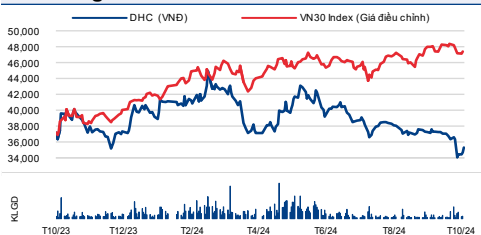
Giá mục tiêu: VNĐ41,700

Tiềm năng tăng/giảm: 18.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	35,300
Mã Bloomberg	DHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,100-44,951
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	34,817
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,841
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	112
Slg CP lưu hành (tr.đv)	80.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	40.2
Slg CP NN được mua (tr.đv)	10.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	37.6%
Tỷ lệ freefloat	56.8%
Cổ đông lớn	KWE (14.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,259	3,402	3,716
EBITDA đc (tỷ đồng)	460	427	457
LNTT (tỷ đồng)	358	300	341
LNT ĐC (tỷ đồng)	303	256	292
FCF (tỷ đồng)	153	24.3	(5.85)
EPS ĐC (đồng)	3,763	3,183	3,624
DPS (đồng)	2,000	2,275	2,275
BVPS (đồng)	22,969	27,257	28,541
T.trưởng EBITDA (%)	(17.0)	(7.13)	6.96
T.trưởng EPS ĐC (%)	(29.2)	(15.4)	13.9
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	13.7	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	12.6	12.3
Tỷ suất LNTTT (%)	11.0	8.81	9.18
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.48	7.69	8.01
Tỷ lệ LN trả CT (%)	52.1	70.0	61.5
Nợ thuần/VCSH (%)	25.0	12.8	15.3
ROAE (%)	17.2	12.9	13.3
ROACE (%)	19.8	16.0	15.7
EV/doanh thu (lần)	1.04	0.95	0.89
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.39	7.55	7.21
P/E ĐC (lần)	9.38	11.1	9.74
P/B (lần)	1.54	1.30	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	5.67	6.44	6.44

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DHC là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy công nghiệp hàng đầu Việt Nam với thị phần ước tính đạt 5.4% trong năm 2022. Sản phẩm chính của DHC bao gồm giấy công nghiệp và bao bì carton. DHC hiện đang sở hữu hai nhà máy giấy và hai nhà máy bao bì carton tại Bến Tre.

Chuyên viên phân tích

Văn Nguyễn Minh Đức

Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp

duc.vnm@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 5554

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng 38% so với cùng kỳ, vượt nhẹ dự báo

- Lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 77 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ và 28% so với quý trước, cao hơn dự báo của HSC ở mức 73 tỷ đồng, nhờ giá bán các sản phẩm giấy tăng và giá giấy thùng carton cũ (OCC) (giấy nguyên liệu đầu vào) thấp hơn dự kiến. Doanh thu thuần Q3/2024 tăng 12,8% so với cùng kỳ nhưng giảm 11,8% so với quý trước xuống 896 tỷ đồng.
- Lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 193 tỷ đồng, giảm 17,5% so với cùng kỳ, hoàn thành 73,8% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi. Ngoại trừ các khoản mục không thường xuyên (ước tính khoảng 1 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024 và 5,2 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023), lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 192 tỷ đồng, giảm 15,7% so với cùng kỳ.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 10% trong 3 tháng qua, DHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,8 lần, sát với bình quân 5 năm ở mức 10 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 41.700đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

Chiều ngày 31/10/2024, DHC công bố KQKD Q3/2024 cao hơn 5% so với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 77 tỷ đồng, tăng 37,8% so với cùng kỳ và tăng 27,5% so với quý trước, trên doanh thu thuần 896 tỷ đồng (tăng 12,8% so với cùng kỳ nhưng giảm 11,8% so với quý trước). Giá bán bình quân tăng và lãi tỷ giá 9,5 tỷ đồng (Q3/2023 lãi tỷ giá 0,8 tỷ đồng) thúc đẩy lợi nhuận Q3/2024.

Lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 193 tỷ đồng (giảm 17,5% so với cùng kỳ), trên doanh thu thuần 2.723 tỷ đồng (tăng 11,5% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 73,8% và 80,1% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Chi tiết như sau:

Giá bán bình quân tăng, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu thuần...

Doanh thu thuần Q3/2024 đạt 896 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ nhưng giảm 11,8% so với quý trước. Giá bán bình quân tăng thúc đẩy doanh thu trong quý tăng so với cùng kỳ, trong khi giảm mạnh so với quý trước là do DHC không ghi nhận doanh thu không thường xuyên từ hoạt động kinh doanh thép (ghi nhận 165 tỷ đồng trong Q2/2024. Loại trừ khoản thu này, doanh thu Q3/2023 tăng 5,4% so với quý trước). Chi tiết như sau:

- Chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ giấy đạt 76.764 tấn, giảm 2% so với cùng kỳ (nhưng đi ngang so với quý trước) do tất cả các nhà máy giấy đang vận hành hết công suất và sản lượng giấy tiêu thụ nội bộ để sản xuất thùng carton tăng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tổng hợp KQKD Q3/2024, DHC

Cả doanh thu và lợi nhuận thuần đều hồi phục mạnh nhờ giá bán tăng và chi phí đầu vào giảm

Tỷ đồng	Q3/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	9T24	% sv cùng kỳ	Dự báo 2024-HSC	% đạt dự báo
Doanh thu thuần	896	12.8%	-11.8%	2,723	11.5%	3,402	80.1%
Doanh thu HSKD cốt lõi	896	12.8%	5.4%	2,558	4.7%	3,236	79.0%
Lợi nhuận thuần	77	37.8%	27.5%	193	-17.5%	261	73.8%

Nguồn: HSC

- Sản lượng tiêu thụ thùng carton được dự báo đạt 20,3 triệu thùng, tăng mạnh 34,4% so với cùng kỳ và 3,1% so với quý trước nhờ công suất hoạt động nhà máy tăng.

Trong khi đó, giá bán bình quân của các sản phẩm giấy tăng mạnh, chi tiết như sau:

- Chúng tôi ước tính giá bán bình quân Q3/2024 của các sản phẩm giấy đạt 9.500đ/kg, tăng 13% so với cùng kỳ và 4,5% so với quý trước nhờ nhu cầu và hoạt động thương mại cải thiện.
- Chúng tôi cũng dự báo giá bán bình quân của thùng carton ở mức 8.402đ/thùng, giảm 4,3% so với cùng kỳ (đi ngang so với quý trước). Chúng tôi cho rằng giá bán bình quân giảm so với cùng kỳ là do DHC đẩy mạnh công suất hoạt động nhà máy (75% trong Q3/2024 So với 67,5% trong Q3/2023 và 72,7% trong Q2/2024).

...tỷ suất lợi nhuận mở rộng

Tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần Q3/2024 phục hồi lần lượt 12,7% và 8,6% (so với mức thấp nhất trong 10 năm 10,8% và 5,9% trong Q2/2024). Tỷ suất lợi nhuận thuần phục hồi là nhờ tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu từ HĐKD cốt lõi cải thiện lên 4,2% (giảm từ mức 4,5% trong Q3/2023 và Q2/2024). Ngoài ra, DHC ghi nhận lãi tỷ giá 9,5 tỷ đồng (Q3/2023 lãi tỷ giá 0,8 tỷ đồng) nhờ VND tăng giá trong quý vừa qua, giúp lợi nhuận HĐ tài chính đạt 9,5 tỷ đồng (so với lỗ tài chính 9,6 tỷ đồng trong Q3/2023 và 5,7 tỷ đồng trong Q2/2024).

Cập nhật triển vọng lợi nhuận Q4/2024

Dự báo hiện tại cho cả năm 2024 – không đổi – cho thấy lợi nhuận thuần Q4/2024 dự kiến đạt 68 tỷ đồng, giảm 9,3% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng giá bán bình quân giảm với tốc độ chậm hơn tốc độ giảm của chi phí đầu vào. Do đó, HSC nhận thấy rủi ro lợi nhuận và định giá cao hơn dự báo đối với dự báo hiện tại. Theo quan sát của chúng tôi, giá bán bình quân các sản phẩm giấy của DHC đã được điều chỉnh giảm 100đ/kg xuống còn 9.400đ/kg khi giá OCC giảm trong thời gian gần đây xuống còn 165 USD/tấn (so với mức 174 USD/tấn trong Q2/2024). Chúng tôi cũng lưu ý rằng Q4/2024 thường rơi vào mùa cao điểm của giấy bao bì.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 41.700đ

Sau khi giá cổ phiếu giảm 10% trong 3 tháng qua, DHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,8 lần thấp hơn bình quân từ đầu năm 2019 ở mức 10,1 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 41.700đ.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ hàng quý theo sản phẩm, DHC

Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ giấy Q3/2024 sẽ giảm nhẹ so với cùng kỳ và so với quý trước do hiệu suất hoạt động của các nhà máy carton tăng

Tấn	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Giấy Medium	22,914	21,678	23,614	12,023	24,993	23,193	23,029
Giấy Testliner	57,981	53,629	54,585	56,327	52,033	54,118	53,735
Sản lượng giấy	80,895	75,307	78,199	68,351	77,026	77,311	76,764
Thùng carton (triệu thùng)	12.6	15.1	18.2	18.5	17.8	19.6	20.3

Nguồn: HSC

Bảng 3: Giá bán bình quân theo quý, DHC

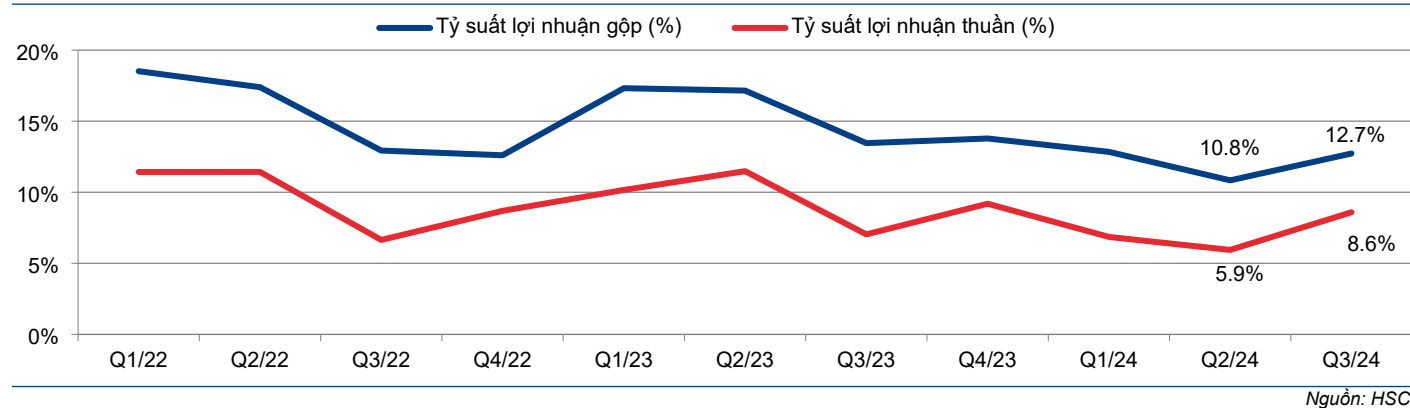
Giá bán bình quân của sản phẩm giấy trong Q3/2024 tăng 13% so với cùng kỳ và 4,5% so với quý trước ...

	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Giấy (đồng/kg)	9,282	9,079	8,396	9,320	8,815	9,093	9,495
Thùng carton (đồng/thùng)	8,929	8,776	8,535	8,535	8,424	8,327	8,402

Nguồn: HSC

Biểu đồ 4: Tỷ suất lợi nhuận qua các quý, DHC

...hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần tăng từ mức đáy trong Q2/2024 lên lần lượt 12,7% và 8,6%



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)					
Doanh thu	3,935	3,259	3,402	3,716	3,855
Lợi nhuận gộp	611	504	477	523	588
Chi phí BH&QL	(157)	(146)	(153)	(171)	(177)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	453	358	324	352	410
Lãi vay thuần	(21.4)	(8.99)	(27.6)	(14.8)	(21.8)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.33	1.89	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.81	7.55	3.40	3.72	3.85
LNTT	437	358	300	341	392
Chi phí thuế TNDN	(57.7)	(49.0)	(38.1)	(43.6)	(73.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	379	309	261	298	319
Lợi nhuận thuần ĐC	372	303	256	292	313
EBITDA ĐC	554	460	427	457	516
EPS (đồng)	5,421	3,840	3,248	3,698	3,966
EPS ĐC (đồng)	5,313	3,763	3,183	3,624	3,887
DPS (đồng)	2,500	2,000	2,275	2,275	2,275
Sig CP bình quân (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)					
Tiền & tương đương tiền	189	247	392	288	358
Đầu tư ngắn hạn	19.1	101	100	100	100
Phải thu khách hàng	782	894	850	818	771
Hàng tồn kho	629	504	614	639	621
Các tài sản ngắn hạn khác	44.0	38.7	40.8	44.6	46.3
Tổng tài sản ngắn hạn	1,663	1,785	1,997	1,888	1,896
TSCĐ hữu hình	1,183	1,087	1,254	1,567	1,988
TSCĐ vô hình	0.36	0.23	0.14	0.05	(0.04)
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	24.2	30.9	23.1	22.8	25.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	5.30	6.88	5.92	5.92	5.92
Tài sản dài hạn khác	7.28	4.74	4.94	5.40	5.60
Tổng tài sản dài hạn	1,220	1,130	1,288	1,601	2,024
Tổng cộng tài sản	2,882	2,915	3,286	3,489	3,920
Nợ ngắn hạn	518	702	673	639	588
Phải trả người bán	533	303	380	415	327
Nợ ngắn hạn khác	36.4	43.0	35.6	136	280
Tổng nợ ngắn hạn	1,131	1,062	1,089	1,189	1,195
Nợ dài hạn	0	0	0	0	300
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0.70	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0.70	0	0	300
Tổng nợ phải trả	1,131	1,063	1,089	1,189	1,495
Vốn chủ sở hữu	1,748	1,849	2,194	2,297	2,423
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.00	3.02	3.02	3.02	3.02
Tổng vốn chủ sở hữu	1,751	1,852	2,197	2,300	2,426
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,882	2,915	3,286	3,489	3,920
BVPS (đ)	24,978	22,969	27,257	28,541	30,096
Nợ thuần/(tiền mặt)	329	455	281	351	530

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)					
EBIT	453	358	324	352	410
Khấu hao	(101)	(102)	(103)	(104)	(105)
Lãi vay thuần	(21.4)	(8.99)	(27.6)	(14.8)	(21.8)
Thuế TNDN đã nộp	(45.7)	(57.2)	(38.1)	(43.6)	(73.1)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	(188)	(70.6)	7.36	(60.7)
Khác	(29.4)	(6.79)	(24.2)	(11.1)	(17.9)
LCT thuần từ HKKD	304	241	329	446	401
Đầu tư TS dài hạn	(77.0)	(88.1)	(304)	(451)	(652)
Góp vốn & đầu tư	(1.51)	(98.3)	9.57	8.79	8.46
Thanh lý	30.2	21.0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(48.3)	(165)	(295)	(443)	(643)
Cổ tức trả cho CSH	(315)	(201)	(183)	(183)	(183)
Thu từ phát hành CP	3.00	0.03	276	0	0
Tăng/giảm nợ	148	183	17.5	76.0	497
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(164)	(17.8)	111	(107)	314
Tiền & tương đương tiền đầu kì	98.2	189	247	392	288
LCT thuần trong kỳ	91.1	58.1	144	(104)	70.8
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.14)	(0.00)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	189	247	392	288	358
Dòng tiền tự do	227	153	24.3	(5.85)	(251)

Các chỉ số tài chính					
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.5	15.5	14.0	14.1	15.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	14.1	12.6	12.3	13.4
Tỷ suất LNT (%)	9.64	9.48	7.69	8.01	8.28
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.2	13.7	12.7	12.8	18.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.51)	(17.2)	4.38	9.24	3.73
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(9.56)	(17.0)	(7.13)	6.96	12.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(21.2)	(18.5)	(15.4)	13.9	7.23
Tăng trưởng EPS (%)	(21.2)	(29.2)	(15.4)	13.9	7.23
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(21.2)	(29.2)	(15.4)	13.9	7.23
Tăng trưởng DPS (%)	(28.6)	(20.0)	13.7	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	46.1	52.1	70.0	61.5	57.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	22.0	17.2	12.9	13.3	13.5
ROACE (%)	26.3	19.8	16.0	15.7	16.3
Vòng quay tài sản (lần)	1.49	1.12	1.10	1.10	1.04
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.67	0.67	1.02	1.26	0.98
Số ngày tồn kho	69.0	66.8	76.6	73.0	69.4
Số ngày phải thu	85.8	118	106	93.5	86.1
Số ngày phải trả	58.5	40.1	47.5	47.4	36.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.4	25.0	12.8	15.3	21.9
Nợ/tài sản (%)	18.9	24.3	20.5	18.3	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	21.2	39.8	11.7	23.8	18.8
Nợ/EBITDA (lần)	0.98	1.54	1.58	1.40	1.72
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.47	1.68	1.83	1.59	1.59
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.72	1.04	0.95	0.89	0.90
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.09	7.39	7.55	7.21	6.74
P/E (lần)	6.51	9.19	10.9	9.54	8.90
P/E ĐC (lần)	6.64	9.38	11.1	9.74	9.08
P/B (lần)	1.41	1.54	1.30	1.24	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	7.08	5.67	6.44	6.44	6.44

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn